SỞ GD&ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC: 2026-2027
Môn: ĐỊA LÍ: Lớp 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	**Chủ đề 1.** Địa lí tự nhiên	Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	2	1*		1	1								
		Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống	2	1*	1*	1	1	1*	1*	1*			1*	1*	
		Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	3	1*	1*	1	1	1*	1*	1*			1*	1*	
		Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	2	1*	1	1	1	1*		1*			1*	1*	
2	**Chủ đề 2.** Địa lí dân cư	Dân số Việt Nam	3	1*	1*	1	1	1*	1*	1*			1*	1*	
Tổng số câu			12 3đ	2 0.5đ	2 0.5đ	5 1,25đ	5 1.25đ	2 0,5đ	2 0,5đ	2 0.5đ			1 1,0đ	1 1,0đ	
Tổng số điểm			4,0			3,0			1,0			2,0			
Tỉ lệ %			**40%**			**30%**			**10%**			**20%**			100

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – ĐỊA LÍ 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	**Chủ đề 1. Địa lí tự nhiên**	Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ (1,0 điểm)	**Nhận biết** – Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ **(NL1)** **Thông hiểu** – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng **(NL1)**	2	1*		1	1								
		Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống (1,5điểm)	**Nhận biết** – Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác. **(NL1)** **Thông hiểu** – Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống **(NL1).** **Vận dụng** – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. **(NL1; NL2)**	2	1*	1*	1	1	1*	1*	1*			1*	1*	

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
		Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên (1,5 điểm)	**Nhận biết** – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ **(NL1)**. **Thông hiểu** – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao **(NL1).** – Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước **(NL1).** **Vận dụng** – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta **(NL1; NL2)**	3	1*	1*	1	1	1*	1*	1*			1*	1*		
		Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường (1,0 điểm)	**Nhận biết** – Trình bày được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta **(NL1).** **Thông hiểu** – Giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. – Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.	2	1*	1	1	1	1*		1*			1*	1*	

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
			– Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. **(NL2)** **Vận dụng** – Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường Việt Nam **(NL1; NL2)** – Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lí tài nguyên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương **(NL3).**														
2	**Chủ đề 2. Địa lí dân cư**	Dân số Việt Nam (1,5 điểm)	– Trình bày được đặc điểm dân số nước ta **(NL1).** **Thông hiểu** - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về dân số **(NL2)** – Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số. **(NL2)** **Vận dụng** – Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam **(NL2)**. – Vẽ được biểu đồ về dân số **(NL2)**. – Liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương **(NL3)**.	3	1*	1*	1	1	1*	1*	1*			1*	1*		

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
			– Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta **(NL1)**.													
Tổng số câu				12 3đ	2 0.5đ	2 0.5đ	5 1,25đ	5 1.25đ	2 0,5đ	2 0,5đ	2 0.5đ			1 1,0đ	1 1,0đ	
Tổng số điểm				4,0			3,0			1,0			2,0			
Tỉ lệ %				**40%**			**30%**			**10%**			**20%**			100

1. NL1: Nhận thức khoa học địa lí; NL2: Tìm hiểu địa lí; NL 3: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

2. Mức độ: Biết: 19 câu và ý = 4,75 điểm; Thông hiểu: 9 câu và ý = 2,25 điểm + 1,0 điểm tự luận=3,25 điểm; Vận dụng: 4 câu và ý = 1,0 điểm + 1,0 điểm tự luận= 2,0 điểm.